

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:142/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 9 - 2020
Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Hoàng Phúc

2. Bà Trần Thị Sang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1987(vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp HT, xã LH, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Bích C, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp HT, xã LH, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn Q trình bày: Về hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị Bích C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu anh Q và

chị C chung sống với nhau hạnh phúc, anh Q làm thuê để lo cho gia đình nhưng chị C bỏ nhà đi cách đây 03 năm và ly thân từ đó cho đến nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, thời gian ly thân đã lâu nên anh Q yêu cầu được ly hôn với chị C.

Con chung: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị Bích C có 02 người con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 22/6/2012 và Trần Thị Nhã C, sinh ngày 15/4/2014. Hiện nay, các con chung đang sống với anh Q, các cháu phát triển bình thường về tinh thần và thể chất. Anh Q yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu chị C cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 17/7/2020 anh Trần Văn Q trình bày : Anh Q yêu cầu được ly hôn với chị C, con chung thì anh Q yêu cầu trực tiếp nuôi, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 51, 68, 97, 177, 196, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Q. Anh Q và chị C được ly hôn với nhau. Con chung: Giao con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 22/6/2012 và Trần Thị Nhã C, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, Vị kiểm sát viên còn phát biểu các vấn đề đương sự không yêu cầu và nghĩa vụ chịu án phí.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trần Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị Bích C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Anh Trần Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị Bích C đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị Bích C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân được pháp luật thừa nhận.

[4] Anh Trần Văn Q trình bày thời gian đầu hôn nhân của anh Q và chị C chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân do chị C bỏ nhà đi hơn 03 năm nay, một mình anh Q ở nhà nuôi 02 người con chung. Qua xác minh chị C đã không còn sống chung với anh Q, thời gian ly thân chị C cũng không cố gắng hàn gắn tình cảm với anh Q là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy anh Q và chị C đã ly thân hơn 03 năm mà không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị C bỏ mặt anh Q và 02 người con chung không quan tâm chăm sóc, tình cảm vợ chồng của anh Q và chị C không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận cho anh Q ly hôn với chị C là có cơ sở.

[5] Con chung: Đối với con chung của anh Q và chị C là cháu Trần Đăng K, sinh năm 2012 thì Tòa án đã tiến hành tiếp xúc để xem xét nguyện vọng của cháu Khôi nhưng cháu Khôi không trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, để đảm bảo không ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu Khôi, Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian anh Trần Văn Q và chị Trần Thị Bích C ly thân với nhau thì con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 22/6/2012 và Trần Thị Nhã C, sinh ngày 15/4/2014 sống chung với anh Q phát triển tốt về tinh thần, thể chất và anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên giao cháu Khôi và cháu Ca cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là tạo điều kiện tốt nhất cho việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Khôi và cháu Ca. Anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí: Anh Trần Văn Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Trần Văn Q. Cho anh Trần Văn Q được ly hôn với chị Trần Thị Bích C.

Con chung: Giao con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 22/6/2012 và Trần Thị Nhã C, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Trần Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn Q trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc anh Trần Văn Q chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà anh Q đã nộp theo biên lai số 0008121 ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, anh Q không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thu Trang